TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VÂN CANH** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST Ngày: 29-12-2017 V/v "Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Nhật

2. Ông Trần Trọng Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc: "Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chế Thị Thùy T, sinh năm 1975

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1977

Đồng địa chỉ: Xóm 3, Thôn A, xã C, huyện V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2017, bản tự khai ngày 15/11/201, trong các biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Chế Thị Thùy T trình bày:

*** Về hôn nhân**: Chị và anh H được người thân mai mối, quen biết nhau. Tuy chị không thương yêu anh H nhưng vì cả anh chị đều theo cùng một đạo nên chị tự nguyện về sống chung với anh H từ năm 1995 đến nay, nhưng anh chị không đến

cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, kình cãi nhau do không cùng quan điểm sống. Anh H thường hay dùng bạo lực, đánh đập chị nhiều lần, thường bỏ nhà đi làm ăn xa, không quan tâm đến vợ con nhưng vì thương con nên chị nhẫn nhịn để cho con có đầy đủ tình thương của cha mẹ. Nay anh H còn ghen tuông vô cớ và đánh đập chị nhiều hơn, chị không thể chịu đựng được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

*** Về con chung**: Vợ chồng chị có 03 con chung là: Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1997; Nguyễn Tấn T, sinh ngày 11/6/2002 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 09/10/2006. Cháu S đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Yêu cầu Tòa giải quyết giao cháu N cho chị nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh H nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu Tòa giải quyết về tiền cấp dưỡng cho con.

*** Về tài sản chung**: Tài sản chung gồm có 01 căn nhà xây cấp 4, nằm trên diện tích đất 210m^2 tại thôn A, xã C, huyện V, tỉnh B thuộc thửa số 956, tờ bản đồ số 16, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Y 699935, cấp ngày 01/12/2004, giá trị nhà và đất là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Đề nghị Tòa ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận chia đôi tài sản chung theo giấy thỏa thuận chia tài sản ngày 27/11/2017, cụ thể như sau:

- Giao cho anh Nguyễn Tấn H được quyền sử dụng 105m^2 đất (chiều rộng 3,5m, chiều dài 40m), có giới cận:

+ Phía Đông giáp đất chị Chế Thị Thùy T

+ Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn A

+ Phía Nam giáp đất mồ mả, vườn thừa

+ Phía Bắc giáp đường quốc lộ 19C

- Giao cho chị Chế Thị Thị T được quyền sử dụng 105m^2 đất (chiều rộng 3,5m, chiều dài 40m), có giới cận:

+ Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Minh H

+ Phía Tây giáp đất anh Nguyễn Tấn H

+ Phía Nam giáp đất mồ mả, vườn thừa

+ Phía Bắc giáp đường quốc lộ 19C

* Về căn nhà xây cấp 4 (nằm trên diện tích đất 210m^2) vợ chồng chị tự thỏa phân chia, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Riêng 03 con bò (01 con bò cái, 02 con bò nghé) với giá trị là 10.000.000đ mà chị đã kê khai trong đơn khởi kiện, vợ chồng chị đã thỏa thuận bán lấy tiền để mua xe cho con gái Nguyễn Thị Tuyết N, nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Về nợ chung**: Vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2017, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn anh Nguyễn Tấn H trình bày:

*** Về hôn nhân**: Anh và chị T quen biết, tự nguyện tìm hiểu, yêu nhau rồi về sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ khi về sống cho đến nay, vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 03 con chung. Thời gian gần đây, mỗi khi đi làm xa về thì anh nghe bạn bè nói chị T có quan hệ nam nữ bất chính với người khác. Anh bị kích động về tinh thần nên có đánh chị T và chị T đã bỏ về nhà cha mẹ vợ ở. Nay chị T xin ly hôn, nguyện vọng của anh là mong Tòa giải quyết để vợ anh rút đơn về sống chung cùng nhau nuôi con.

*** Về con chung**: Vợ chồng có 03 con chung như vợ anh trình bày là đúng. Trường hợp vợ anh không rút đơn xin ly hôn và Tòa giải quyết không công nhận anh và chị T là vợ chồng thì anh đề nghị Tòa giao con chung Nguyễn Tấn T, sinh ngày 11/6/2002 cho anh nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 09/10/2006 cho chị T nuôi dưỡng. Riêng cháu Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Anh không yêu cầu Tòa giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

*** Về tài sản chung:** Vợ chồng anh có số tài sản chung như vợ anh đã trình bày là đúng. Vợ chồng anh đã tự nguyện phân chia tài sản chung theo giấy thỏa thuận chia tài sản chung ngày 27/11/2017. Đề nghị Tòa ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của vợ chồng anh.

*** Về nợ chung**: Vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh:**

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết vụ án trong Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị T và anh H tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, nên theo qui định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì không công nhận là vợ chồng. Anh chị sinh được ba con chung là: Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1997; Nguyễn Tấn T, sinh ngày 11/6/2002 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 09/10/2006. Vợ chồng chị T, anh H tự nguyện thỏa thuận giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh H nuôi dưỡng, việc thỏa thuận trên là phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Riêng chị S đã đủ tuổi trưởng thành nên chị T, anh H không yêu cầu Tòa giải quyết. Việc thỏa thuận trên của chị T và anh H là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh H.

- Về phần tài sản chung: Ngày 27/11/2017, chị T, anh H viết giấy thỏa thuận phân chia tài sản chung. Việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Tòa ghi nhận sự tự thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng chị T, anh H.

- Về án phí DSST: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo qui định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ trú tại thôn A, xã C, huyện V, tỉnh B nên Tòa án nhân dân huyện Vân Canh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] *Về hôn nhân:* Căn cứ lời khai của chị T, anh H, biên bản xác minh, biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để xác định: Chị T và anh H chung sống với nhau từ năm 1995 đến nay, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch nên hôn nhân giữa chị T và anh H không có giá trị pháp lý. Trong thời gian chung sống, hai bên nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, kình cải, đánh nhau. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H. Căn cứ quy định tại Điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh H có 03 con chung, trong đó con chung Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1997 đã đủ tuổi trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, chị T, anh H không yêu cầu nên Tòa không xét. Riêng hai con chung Nguyễn Tấn T, sinh ngày 11/6/2002 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 09/10/2006. Vợ chồng chị T, anh H thỏa thuận giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh H nuôi dưỡng. Xét thấy việc thỏa thuận trên là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên, giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh H không yêu cầu nên Tòa không xét.

[4] Tài sản chung: Tài sản chung gồm có 01 căn nhà xây cấp 4, nằm trên diện tích đất 210m^2 tại thôn A, xã C, huyện V, tỉnh B thuộc thửa số 956, tờ bản đồ số 16, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Y 699935, cấp ngày 01/12/2004. Ngày 27/11/2017, chị T và anh H viết thấy thỏa thuận phân chia tài sản chung (quyền sử dụng đất) và đề nghị Tòa ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản. Xét thấy việc thỏa thuận của chị T và anh H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện phân chia tài sản chung giữa chị T, anh H. Về căn nhà xây cấp 4 nằm trên diện tích đất 210m^2, vợ chồng chị T, anh H tự thỏa phân chia, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại cho chị T tiền tạm ứng án phí nộp thừa.

Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 15, 16, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Chế Thị Thùy T và anh Nguyễn Tấn H

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 09/10/2006 cho chị Chế Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Giao con chung Nguyễn Tấn T, sinh ngày 11/6/2002 cho anh Nguyễn Tấn H trực tiếp nuôi dưỡng

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện phân chia tài sản chung theo giấy thỏa thuận chia tài sản chung ngày 27/12/2017, cụ thể như sau:

3.1. Giao cho anh Nguyễn Tấn H được quyền sử dụng 105m^2 đất (chiều rộng 3,5m, chiều dài 40m), có giới cận:

+ Phía Đông giáp đất chị Chế Thị Thùy T;

+ Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn A;

+ Phía Nam giáp đất mồ mả, vườn thừa.

+ Phía Bắc giáp đường quốc lộ 19C;

3.2. Giao cho chị Chế Thị Thị T được quyền sử dụng 105m^2 đất (chiều rộng 3,5m, chiều dài 40m), có giới cận:

+ Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Minh H;

+ Phía Tây giáp đất anh Nguyễn Tấn H;

+ Phía Nam giáp đất mồ mả, vườn thừa;

+ Phía Bắc giáp đường quốc lộ 19C.

4. Về án phí: Chị Chế Thị Thùy T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 2.050.000đ (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006802 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Canh. Trả lại cho chị Trang 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp thừa.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vân Canh;
- UBND xã Canh Vinh;
- Chi cục THADS huyện Vân Canh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT-TA.

TM.Hội Đồng Xét Xử Sơ Thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Duy